

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 76-TC/TCĐN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 1996

THÔNG TƯ

Hướng dẫn chế độ quản lý doanh thu, chi phí và
giá thành sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp nhà nước

Thi hành Nghị định số 59/CP ngày 03-10-1996 của Chính phủ ban hành "Quy chế quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp Nhà nước"; Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý doanh thu, chi phí và giá thành sản phẩm, dịch vụ tại các doanh nghiệp Nhà nước như sau:

I- NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

- Doanh nghiệp Nhà nước phải tổ chức quản lý chặt chẽ các khoản doanh thu, chi phí, giá thành sản phẩm, dịch vụ nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.
- Doanh nghiệp phải tính đúng, tính đủ chi phí kinh doanh, tự trang trải mọi khoản chi phí bằng các khoản thu và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh.
- Căn cứ vào định mức kinh tế kỹ thuật, chế độ tài chính do cấp có thẩm quyền ban hành, doanh nghiệp phải:
 - Xây dựng và thường xuyên hoàn chỉnh hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp với tình hình cụ thể của mình.
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ chi tiêu tài chính, chế độ kế toán thông kê hiện hành của Nhà nước.
- Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc giám đốc (đối với doanh nghiệp có Hội đồng quản trị), Giám đốc (đối với doanh nghiệp không có Hội đồng quản trị) chịu trách nhiệm trước Nhà nước và trước pháp luật về tính đúng đắn và hợp pháp của các khoản doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.
- Trong thông tư này một số thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - Chiết khấu thanh toán là số tiền người bán giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền mua sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ của doanh nghiệp trước thời hạn thanh toán và được quy định rõ trên hoá đơn bán hàng hoặc hợp đồng kinh tế.
 - Giảm giá hàng bán là số tiền người bán giảm trừ cho người mua trên giá đã thoả thuận do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách, thời hạn đã được quy định trong hợp đồng kinh tế hoặc ưu đãi khách hàng mua sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ của doanh nghiệp với khối lượng lớn.
 - Trị giá hàng bán bị trả lại: Là trị giá tính theo giá thanh toán của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ doanh nghiệp đã tiêu thụ, bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như: Hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại...
 - Hoa hồng đại lý là số tiền doanh nghiệp trả cho các đại lý tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ của doanh nghiệp.
 - Hoa hồng môi giới là số tiền trả cho các tổ chức kinh tế, tập thể hoặc cá nhân làm môi giới trong việc mua bán vật tư, sản phẩm, cung ứng dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

II- NHỮNG QUY ĐỊNH QUẢN LÝ CỤ THỂ

A. QUẢN LÝ DOANH THU:

Doanh thu của doanh nghiệp Nhà nước gồm doanh thu từ hoạt động kinh doanh và doanh thu từ các hoạt động khác:

1- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh là toàn bộ tiền bán sản phẩm, hàng hoá, cung ứng, dịch vụ sau khi trừ các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại (nếu có chứng từ hợp lệ) và được khách hàng chấp nhận thanh toán (không phân biệt đã thu hay chưa thu được tiền).

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp còn bao gồm:

- + Các khoản trợ giá, phụ thu theo quy định của Nhà nước để sử dụng cho doanh nghiệp đối với hàng hoá, dịch vụ của doanh nghiệp tiêu thụ trong kỳ được Nhà nước cho phép.
- + Giá trị các sản phẩm hàng hoá đem biếu, tặng hoặc tiêu dùng trong nội bộ doanh nghiệp như: việc xuất dùng xi măng thành phẩm để xây dựng, sửa chữa ở xí nghiệp sản xuất xi măng, xuất vải thành phẩm để may bảo hộ ở xí nghiệp dệt v.v...
- Các doanh nghiệp phải căn cứ vào giá thị trường ở thời điểm bán hàng, cung cấp dịch vụ để định giá tiêu thụ.
- Các khoản chiết khấu thanh toán hoặc giảm giá hàng bán được xác định theo các quy định sau:
 - + Doanh nghiệp phải có quy chế quản lý và công bố công khai các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán.
 - + Các khoản chiết khấu thanh toán hoặc giảm giá hàng bán cho số lượng hàng bán ra trong kỳ (trừ hàng hoá thuộc diện ứ đọng, kém, mất phẩm chất) phải đảm bảo doanh nghiệp kinh doanh có lãi.
 - + Ghi rõ trong hợp đồng kinh tế và hoá đơn bán hàng.

Giám đốc doanh nghiệp được quyền quyết định và chịu trách nhiệm về các khoản giảm trừ nói trên.

- Hàng hoá bị trả lại phải có văn bản của người mua ghi rõ số lượng, đơn giá và giá trị lô hàng bị trả lại kèm theo chứng từ nhập lại kho lô hàng nói trên.

2. Doanh thu từ các hoạt động khác bao gồm các khoản thu từ hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động bất thường:

a) Doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính bao gồm các khoản thu từ các hoạt động liên doanh liên kết, góp vốn cổ phần, cho thuê tài sản, lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, thu từ hoạt động mua bán chứng khoán (trái phiếu, tín phiếu, cổ phiếu), hoàn nhập khoản dự phòng giảm giá chứng khoán đã trích năm trước nhưng sử dụng không hết...

b) Doanh thu từ các hoạt động bất thường là các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên ngoài các khoản thu đã được quy định ở điểm 1, 2a mục A như: thu từ bán vật tư, hàng hoá, tài sản dôi thừa, công cụ, dụng cụ đã phân bổ hết giá trị, bị hư hỏng hoặc không cần sử dụng, các khoản phải trả nhưng không trả được vì nguyên nhân từ phía chủ nợ, thu chuyển nhượng, thanh lý tài sản, nợ khó đòi đã xóa nay thu hồi được, hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, phải thu khó đòi đã trích năm trước nhưng không sử dụng hết và các khoản thu bất thường khác...

Toàn bộ doanh thu của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ phải được thể hiện trên các hoá đơn, chứng từ hợp lệ và phải được phản ánh đầy đủ vào sổ sách kế toán theo chế độ Nhà nước đã quy định. Doanh nghiệp có trách nhiệm xác định và phản ánh rõ các khoản doanh thu tính thuế cho từng loại hoạt động theo các quy định của Luật thuế, Nghị định và các thông tư hướng dẫn hiện hành.

- Các khoản doanh thu, thu nhập để ngoài sổ sách phải truy nộp toàn bộ vào ngân sách Nhà nước và xử phạt theo chế độ hiện hành. Cá nhân hoặc tập thể vi phạm hoặc có liên quan tùy theo mức độ vi phạm phải quy trách nhiệm, thu đền bù và xử lý hành chính, trường hợp nghiêm trọng phải truy cứu trách nhiệm hình sự.

B. QUẢN LÝ CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH

Chi phí của doanh nghiệp bao gồm chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí hoạt động khác.

B.1- Quản lý chi phí và giá thành hoạt động kinh doanh:

Chi phí hoạt động kinh doanh bao gồm các chi phí có liên quan đến quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như: chi phí nguyên, nhiên, vật liệu; khấu hao tài sản cố định, tiền lương và các khoản có tính chất lương; các khoản trích nộp theo quy định của Nhà nước như: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và chi phí công đoàn; chi phí dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

Việc quản lý và hạch toán chi phí được quy định như sau:

1. Chi phí nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực... (dưới đây gọi tắt là chi phí vật tư) phải quản lý chặt chẽ trong 2 khâu: mức tiêu hao vật tư và giá vật tư.

a) Mức tiêu hao vật tư:

- Tổng giám đốc hoặc Giám đốc (đối với doanh nghiệp có Hội đồng quản trị) giám đốc (đối với doanh nghiệp không có Hội đồng quản trị) phải căn cứ vào định mức tiêu hao vật tư do các cấp có thẩm quyền ban hành và tình hình cụ thể của doanh nghiệp để xây dựng hệ thống định mức tiêu hao vật tư của doanh nghiệp trình Hội đồng quản trị (đối với doanh nghiệp có Hội đồng quản trị), Giám đốc (đối với doanh nghiệp không có Hội đồng quản trị) phê duyệt và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các định mức đó.

Các loại vật tư sử dụng vào kinh doanh phải được quản lý chặt chẽ theo các định mức tiêu hao của doanh nghiệp đã ban hành trong các khâu: dự trữ, cấp phát và thanh quyết toán.

- Doanh nghiệp phải theo dõi, kiểm tra, tổ chức phân tích tình hình thực hiện định mức tiêu hao vật tư thường xuyên và định kỳ để đề ra các biện pháp nhằm không ngừng hoàn thiện hệ thống định mức, kịp thời biểu dương khen thưởng những tập thể, cá nhân sử dụng tiết kiệm vật tư và xử lý các trường hợp tiêu hao vật tư vượt định mức.

- Kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp phải thực hiện quyết toán vật tư.

- Báo cáo quyết toán vật tư phải được gửi cho cơ quan sáng lập doanh nghiệp và cơ quan quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp. Trong đó thể hiện rõ những nội dung chủ yếu sau:

+ Mức tiêu hao vật tư thực tế của năm báo cáo so với định mức và mức tiêu hao thực tế kỳ trước đối với các loại sản phẩm.

+ Tổng mức tiêu hao và tổng mức chênh lệch.

+ Phân tích, đánh giá tình hình quản lý và sử dụng các loại vật tư, xác định rõ nguyên nhân tăng (giảm) so với định mức và thực tế kỳ trước, kiến nghị biện pháp xử lý...

b) Giá vật tư: Dùng để hạch toán và xác định chi phí vật tư là giá thực tế, bao gồm:

- Giá vật tư mua ngoài gồm: Giá phải thanh toán ghi trên hoá đơn của người bán hàng (nếu là vật tư tự nhập khẩu bằng ngoại tệ thì quy đổi ra tiền Việt theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm nhập khẩu, cộng thuế nhập khẩu và các khoản phụ thu - nếu có) cộng với chi phí thu mua như: chi phí vận chuyển, phí bốc xếp, phí bảo quản, phí bảo hiểm, phí hao hụt hợp lý trên đường đi, tiền thuê kho bãi, phí gia công trước khi nhập kho (nếu có), phí chọn lọc tái chế.

- Giá vật tư tự chế gồm: giá vật tư thực tế xuất kho cộng với chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tự chế.

- Giá vật tư thuê ngoài gia công chế biến gồm: giá vật tư thực tế xuất kho đem gia công cộng với chi phí gia công như phí vận chuyển, phí bốc xếp, phí bảo hiểm và tiền trả cho người gia công.

- Giá vật tư tồn kho: là giá thực tế của vật tư tồn kho đầu kỳ.

- Giá các loại vật tư và các chi phí gia công chế biến, vận chuyển, bảo quản, thu mua... nói trên phải có hoá đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của Bộ Tài chính. Trường hợp vật tư là sản phẩm nông, lâm, thủy sản... mua trực tiếp của người sản xuất thì người mua hàng phải ghi rõ tên, địa chỉ người bán, số lượng hàng hoá, đơn giá, thành tiền, chữ ký của người bán hàng, giám đốc doanh nghiệp duyệt chi và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

c) Đối với công cụ, dụng cụ sử dụng cho quá trình kinh doanh như: khuôn mẫu, dàn giáo, cân, giá dựng, bàn ghế, máy tính cầm tay... doanh nghiệp căn cứ vào thời gian sử dụng và giá trị của công cụ, dụng cụ để phân bổ dần vào các khoản mục chi phí trong các kỳ kinh doanh theo tiêu thức phù hợp.

d) Giá trị vật tư tiêu hao thực tế sau khi trừ tiền đền bù của cá nhân hoặc tập thể gây ra tiêu hao vật tư vượt định mức và trị giá phế liệu thu hồi (nếu có) được hạch toán vào chi phí vật tư.

2- Chi phí khấu hao tài sản cố định:

Mọi tài sản cố định của doanh nghiệp phải được huy động vào hoạt động kinh doanh và trích đủ khấu hao theo quy định của Nhà nước để thu hồi vốn. Sau khi đã thu hồi đủ vốn, tài sản cố định vẫn còn sử dụng được thì doanh nghiệp không phải trích khấu hao, nhưng vẫn phải quản lý và sử dụng theo chế độ hiện hành.

3- Chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp có tính chất lương:

Chi phí tiền lương của doanh nghiệp bao gồm các khoản tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương phải trả cho người lao động tham gia vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Về nguyên tắc: tiền lương phải được quản lý chặt chẽ và chi theo đúng mục đích, gắn với kết quả sản xuất kinh doanh trên cơ sở các định mức lao động và đơn giá tiền lương hợp lý được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

a) Về định mức lao động:

- Doanh nghiệp phải căn cứ vào định mức lao động chuẩn do cấp có thẩm quyền ban hành và điều kiện thực tế của doanh nghiệp để xây dựng và không ngừng hoàn thiện định mức lao động của doanh nghiệp, bố trí đủ số lượng và cơ cấu lao động phù hợp với nhu cầu công việc.

- Phương pháp xây dựng, thẩm quyền phê duyệt và việc đăng ký định mức lao động phải thực hiện đúng theo các quy định hiện hành.

b) Về đơn giá tiền lương:

- Căn cứ vào định mức lao động đã đăng ký và chế độ tiền lương do Nhà nước quy định, doanh nghiệp xây dựng đơn giá tiền lương trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Phương pháp xây dựng, thẩm quyền phê duyệt và việc đăng ký đơn giá tiền lương được thực hiện các quy định hiện hành.

c) Lập và sử dụng quỹ tiền lương:

Việc trích lập và sử dụng quỹ tiền lương phải căn cứ vào đơn giá tiền lương kế hoạch đã đăng ký và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp đạt được trong kỳ theo các nguyên tắc sau:

- Đối với doanh nghiệp kinh doanh chưa có lãi, chưa bảo toàn vốn thì tổng quỹ tiền lương doanh nghiệp được phép trích và chi không vượt quá quỹ tiền lương cơ bản tính theo:

+ Số lượng lao động thực tế tham gia quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm: lao động trong biên chế, hợp đồng ngắn hạn, dài hạn, lao động thời vụ.

+ Hệ số và mức lương cấp bậc, lương theo hợp đồng, hệ số và mức phụ cấp lương theo quy định của Nhà nước.

- Đối với các doanh nghiệp kinh doanh có lãi, đạt tỷ suất lợi nhuận tính trên vốn Nhà nước cao, đóng góp cho ngân sách Nhà nước lớn thì doanh nghiệp được phép trích và chi quỹ tiền lương tương xứng với hiệu quả kinh doanh, nhưng phải bảo đảm các điều kiện:

+ Bảo toàn được vốn và không xin giảm khấu hao hoặc xin giảm các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước.

+ Tốc độ tăng chi quỹ tiền lương phải thấp hơn tốc độ tăng tỷ suất lợi nhuận trên vốn Nhà nước tính theo số trung bình cộng ở hai thời điểm ngày 1/1 và 31/12 cùng năm.

- Doanh nghiệp không được sử dụng quỹ tiền lương vào mục đích khác ngoài việc chi trả tiền lương, tiền công, gắn với kết quả lao động.

d) Quyết toán quỹ tiền lương:

Hàng năm doanh nghiệp phải quyết toán quỹ tiền lương với cơ quan sáng lập doanh nghiệp, cơ quan quản lý vốn và tài sản Nhà nước và cơ quan thuế. Quyết toán quỹ tiền lương phải đánh giá được:

+ Mức độ hợp lý của hệ thống định mức lao động.

+ Mức độ hợp lý của đơn giá tiền lương đã được duyệt.

+ Tình hình trích lập và sử dụng quỹ tiền lương.

- Các khoản chi quỹ tiền lương sai mục đích, quỹ tiền lương trích sai chế độ đều phải thu hồi nộp toàn bộ vào ngân sách Nhà nước.

4- Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn được tính trên cơ sở quỹ tiền lương của doanh nghiệp theo các chế độ hiện hành của Nhà nước.

5- Chi phí dịch vụ mua ngoài:

Là các khoản chi phí sửa chữa tài sản cố định thuê ngoài, chi phí điện nước, điện thoại, tiền bốc vác, vận chuyển hàng hoá, sản phẩm, tiền trả hoa hồng đại lý, môi giới, uỷ thác xuất khẩu, nhập khẩu, tiền mua bảo hiểm tài sản, tiền thuê kiểm toán, tư